TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN S** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**
Bản án số: 90/2023 Ngày: 24/5/2023	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S THÀNH PHỐ H

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Văn P**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà: **Đỗ Thị H**

2. Bà: **Nguyễn Thị Thu Y**

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà **Nguyễn Thị H** – thư ký toà án nhân dân huyện S.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên toà: Bà **Bùi Thị Thanh T**- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện S - TP H xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 70/2023/ HSST ngày 25 tháng 4 năm 2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2023/QĐXXST- ngày 10/5/2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Quang Th, sinh năm 1993**;** tại xã TM, huyện S, TP. H; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: thôn Sơn Đông, xã TM, huyện S TP. H; nghề nghiệp: lao động tự do; văn hoá: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn N; con bà: Đàm Thị T; vợ: Nguyễn Thị Hg; con: có 02 con (lớn sinh 2011, nhỏ sinh 2014); tiền án, tiền sự: không; về nhân thân: không có thông tin, tài liệu gì trong hồ sơ nghiệp vụ; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày: 13/9/2022 có mặt tại phiên toà.

Người bị hại:

1. Chị: Nguyễn Thị Hoàng Y, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Số 30 ngõ TN, phường CK, quận LG, TP H (có đơn xin xử vắng mặt).

2. Chị: Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Tổ 01, thị trấn S, huyện S, TP H (có đơn xin xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa; nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu năm 2022, do có nhu cầu mua đất nên thông qua mạng xã hội Facebook, chị Nguyễn Thị Y quen biết Nguyễn Quang Th vì Th đăng ký bán bất động sản trên Facebook cá nhân. Biết chị Y có nhu cầu mua đầu tư bất động sản nên Th giới thiệu cho chị Y 01 thửa đất diện tích 67m2 ở thôn XĐ, xã TM, huyện S, H, nguồi gốc đất là của chị Nguyễn Thị Kim A, Th bảo chị Y đặt cọc 10.000.000 đồng để ngày 15/3/2022 lên huyện S làm hợp đồng đặt cọc. Đến ngày 14/3/2022, chị Y dùng số tài khoản 1450205202403, thuộc ngân hàng Agribank mang tên Hoàng Thị Y chuyển 10.000.000 đồng đến tài khoản 8884563456789 thuộc ngân hàng MB Bank của Nguyễn Quang Th. Đến ngày 15/3/2022, hai vợ chồng chị Y lên quán coJJ Đom Đóm ở thị trấn S, huyện S gặp Th và chị Kim A. Hai bên thống nhất sẽ mua bán thửa đất trên với giá 620.000.000 đồng, chị Y chuyển thêm 60.000.000 đồng đến số tài khoản 182218021989, thuộc ngân hàng MB Bank của chị Kim A để đặt cọc và hẹn sẽ thanh toán nốt số tiền 520.000.000 đồng cho chị Kim A trước ngày 27/5/2022. Sau đó, Th hứa với chị Y là sẽ bán "lướt" mảnh đất này trước ngày 27/5/2022 rồi lại giới thiệu cho chị Y mảnh đất diện tích 110m2 ở thôn XD, xã TM, huyện S, H với giá 548.000.000 đồng, nguồn gốc đất là của chị Nguyễn Thị Tn. Chị Y đồng ý nên ngày 17/3/2022, chị Y đồng ý nên ngày 17/3/2022, chị Y chuyển khoản 130.000.000 đồng cho Th để đặt cọc thửa đất 101,5 m2, hẹn đến trước ngày 05/5/2022 chị sẽ thanh toán nốt số tiền 418.000.000 đồng để thành hợp đồng chuyển nhượng cho chị. Tuy nhiên sau khi nhận 130.000.000 đồng tiền cọc, Th không đặt cọc cho chủ đất mà lấy số tiền trên đi đầu tư bất động sản và tiêu sài cá nhân. Đến ngày 17/4/2022, Th tiếp tục giới thiệu anh Lê Văn T cho chị Y mua thửa đất diện tích 67m2 ở thôn XĐ, xã TM, huyện S, H. Chị Y bảo Th nếu khách đặt cọc thị chị nhờ chị Kim A nhận cọc hộ số tiền 70.000.000 đồng để bán thửa đất trên với giá 603.000.000 đồng. Sau đó anh TH chuyển 70.000.000 đồng tiền cọc đến số tài khoản MB Bank của chị Kim A. Nhận được tiền, chị Kim A chủ quan không báo lại cho chị Y. Ngay sau đó, Th gian dối với chị Kim A rằng chị Y đã cho Th vay 70.000.000 đồng tiền cọc trên. Vì tin tưởng Th nên chị Kim A chuyển 50.000.000 đồng vừa nhận đến tài khoản ngân hàng của Th (trước đó, Th đang nợ chị Kim A 20.000.000 đồng nên Th thảo thuận với chị Kim A tự trừ số nợi cũ). Chị Kim A dặn Th báo lại cho chị Y là chị Kim A đã nhận cọc mới, bảo chị Y xé giấy đặt cọc mà

chị cọc tiền mua thửa đất trên với chị Kim A đi; sau khi bán được cho khách này sẽ chuyển tiền chênh lệch cho chị Y sau nhưng Th không báo lại cho chị Y biết và sử dụng hết số tiền trên vào đầu tư bất động sản. Sau khi phát hiện ra sự việc, chị Y và chị Kim A liên hệ với Th thì bị Th chặn hết liên lạc. Sau này, thửa đất 67m2 không công chứng sang tên được nên chị Kim A bỏ tiền cá nhân để trả lại anh TH 70.000.000 đồng tiền đặt cọc.

Về trách nhiệm dân sự: Đến nay Th chưa bồi thường cho chị Y 130.000.000 đồng và chị Kim A 70.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 67/CT/VKS ngày 24/4/2023, của Viện kiểm sát nhân dân huyện S truy tố bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung vụ án đã nêu, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S duy trì công tố tại phiên toà giữ nguyên quan điểm như cáo trạng truy tố và kết luận: Bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Sau khi phân tích đánh giá tính chất của vụ án, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân của bị cáo, xem xét thái độ khai báo của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điển g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự; Điều 686, 687, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326 của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Xử phạt: Nguyễn Quang Th mức án từ: 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị Hoàng Y 130.000.000 đồng và chị Nguyễn Thị Kim A 70.000.000 đồng.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng với bị cáo.

Về vật chứng: Không có

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sựtheo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện S, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện S, Kiểm sát viên trong quá trình Điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2]. Về nội dung: Do cần tiền tiêu sài thông qua giao dịch đặt cọc mua bán đất, Nguyễn Quang Th đã có hành vi gian dối chiếm đoạt của chị Hoàng Thị Y số tiền 130.000.000 đồng.

Tiếp đến, ngày 18/4/2022, Nguyễn Quang đã có hành vi gian dối để chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Kim A số tiền 70.000.000 đồng.

Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" tội danh và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện S truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét thấy hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã có hành vi gian dối chiếm đoạt tài sản thuộc quyền sỡ hữu của người khác, gây mất trật tự trị an, do đó việc đưa bị cáo ra truy tố, xét xử là cần thiết nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Căn cứ vào tính chất của vụ án, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo cần lên một mức hình phạt, cho tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên khi lượng hình cũng nên xem xét đến tính chất của vụ án, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ mà Bộ luật hình sự quy định khi lượng hình đối với bị cáo, bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải đó là các tình tiết xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tiền án, tiền sự: không; về nhân thân: bị cáo không có thông tin tài liệu gì trong hồ sơ, xét thấy bị cáo phạm tội nhiều lần, phạm tội rất nghiêm trọng nên xét cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

Đối với mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là phù hợp với mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo.

Đối với các lần chuyển khoản với các số tiền khác nhau từ tài khoản của chị Y đến tài khoản của Th (gồm 10.000.000 đồng, 15.000.000 đồng, 25.000.000 đồng, 30.000.000 đồng), chị Y khai cho Th vay lãi. Tuy nhiên, quá trình điều tra, chị Y thừa nhận đây là tiền cho Th vay để tiêu sài cá nhân, không minh được giấy tờ vay nợ nên không có căn cứ để xác minh xử lý.

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ thì hoàn cảnh kinh tế gia đình bị cáo không có tài sản gì giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải trả chị Nguyễn Thị Hoàng Y 130.000.000 đồng và chị Nguyễn Thị Kim A 70.000.000 đồng.

Về vật chứng: Không có

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo: **Nguyễn Quang Th** phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52 (phạm tội nhiều lần), điểm s khoản 1 Điều 51 Điều Bộ luật Hình sự; Điều 686, 687, 468, 357 Bộ luật dân sự; Điều 135, 136 Điều 333, 337 Bộ luật tố tụng Hình sự; Nghị quyết 326 của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Xử phạt**: Nguyễn Quang Th: 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù** về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam: 13/9/2022.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải trả chị Nguyễn Thị Hoàng Y số tiền: 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng) và chị Nguyễn Thị Kim A số tiền: 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi thi hành án không tự nguyện thi hành phải trả lãi đối với số

tiền chậm trả theo thoả thuận các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, nếu không thoả thuận được thì thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Diều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.
Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 10.000.000 đồng án phí dân sự cho Nhà nước.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân TP H.

Bị hại có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân TP H trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ- PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn P